

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2015
Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	2- 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	4
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	5 - 6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 24

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã Thuyết		30/06/2015	31/12/2014
	số	minh		
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		3.286.580.133.924	3.261.469.874.512
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		137.637.713.722	186.126.885.017
1. Tiền	111	5	137.637.713.722	186.126.885.017
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		600.000.000.000	540.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	600.000.000.000	540.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.270.498.120.351	2.259.834.772.666
1. Phải thu khách hàng	131		658.004.657.193	35.912.802
2. Trả trước cho người bán	132	7	148.723.261.146	164.906.169.696
3. Các khoản phải thu khác	135	8	1.499.108.681.387	2.128.696.575.950
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	8	(35.338.479.375)	(33.803.885.782)
IV. Hàng tồn kho	140		278.259.577.016	275.347.492.286
1. Hàng tồn kho	141	9	278.259.577.016	275.347.492.286
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		184.722.835	160.724.543
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		32.772.835	10.328.543
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		151.950.000	150.396.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	200		8.750.081.481.806	9.222.079.103.047
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		38.782.753.000	38.782.753.000
1. Phải thu dài hạn khác	218	10	38.782.753.000	38.782.753.000
II. Tài sản cố định	220		7.964.952.992.301	8.306.236.588.170
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	7.935.020.755.812	8.275.788.620.334
- Nguyên giá	222		11.294.023.686.632	11.294.005.678.629
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.359.002.930.820)	(3.018.217.058.295)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	29.830.086.489	30.143.361.336
- Nguyên giá	228		30.625.717.421	30.198.260.921
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(795.630.932)	(54.899.585)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	102.150.000	304.606.500
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư dài hạn khác	258	14	11.140.000.000	11.140.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(11.140.000.000)	(11.140.000.000)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		746.345.736.505	877.059.761.877
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	746.345.736.505	877.059.761.877
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		12.036.661.615.730	12.483.548.977.559

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
 Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

MẤU B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	31/12/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		7.520.757.876.863	8.236.865.216.747
I. Nợ ngắn hạn	310		2.273.225.813.734	2.376.611.799.114
1. Vay ngắn hạn	311	16	1.034.578.992.983	1.051.902.984.892
2. Phải trả người bán	312		36.024.728.821	33.892.981.808
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	40.396.234.709	15.513.547.858
4. Phải trả người lao động	315		17.927.596.651	22.367.282.634
5. Chi phí phải trả	316	18	960.083.503.373	891.373.649.603
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	19	176.227.104.658	358.841.041.074
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		7.987.652.539	2.720.311.245
II. Nợ dài hạn	330		5.247.532.063.129	5.860.253.417.633
1. Vay dài hạn	334	20	5.243.135.129.936	5.855.706.484.440
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		4.396.933.193	4.546.933.193
B. NGUỒN VỐN	400		4.515.903.738.867	4.246.683.760.812
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	4.515.903.738.867	4.246.683.760.812
1. Vốn điều lệ	411		2.560.000.000.000	2.560.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		169.237.381.136	169.237.381.136
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		79.801.049.931	20.850.842.750
4. Lợi nhuận chưa phân phối	420		1.706.865.307.800	1.496.595.536.926
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		12.036.661.615.730	12.483.548.977.559

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	30/06/2015	31/12/2014
Ngoại tệ các loại			
- USD		282,67	300,5
- EUR		360.897.996	16,77



Lê Văn Tú
 Người lập biểu
 Ngày 15 tháng 07 năm 2015



Nguyễn Hữu Minh
 Kế toán trưởng



Hoàng Xuân Quốc
 Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

MẪU B 02-DN

Đơn vị: VND

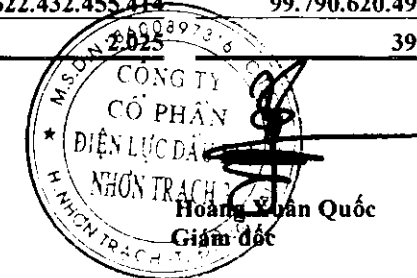
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/04/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/04/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
1. Doanh thu về bán hàng	01		1.986.102.953.123	1.451.748.580.118	3.744.205.946.953	3.141.743.911.006
2. Doanh thu thuần về bán hàng	10		1.986.102.953.123	1.451.748.580.118	3.744.205.946.953	3.141.743.911.006
3. Giá vốn hàng bán	11		1.579.914.555.787	1.202.079.625.191	2.984.096.401.348	2.691.509.573.450
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		406.188.397.336	249.668.954.927	760.109.545.605	450.234.337.556
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	21.924.905.803	5.309.015.596	134.307.600.389	12.043.258.163
6. Chi phí tài chính	22	24	281.565.331.535	162.131.098.253	201.909.467.698	334.354.444.666
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		44.238.249.279	57.146.956.789	87.717.137.561	115.555.229.694
7. Chi phí bán hàng	24	25	35.887.402	152.851.684	35.887.402	170.292.594
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	26	21.563.302.560	14.696.903.733	37.739.835.759	28.627.924.269
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 30 = 20+(21-22)-(24+25)	30		124.948.781.642	77.997.116.853	654.731.955.135	99.124.934.190
10. Thu nhập khác	31		703.892.471	233.865.475	980.007.942	2.050.485.934
11. Chi phí khác	32		387.003.330	43.958.621	431.285.945	1.384.799.627
12. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32)	40		316.889.141	189.906.854	548.721.997	665.686.307
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		125.265.670.783	78.187.023.707	655.280.677.132	99.790.620.497
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	6.268.790.641	-	32.848.221.718	-
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51) (60=50-51)	60		118.996.880.142	78.187.023.707	622.432.455.414	99.790.620.497
16. Lợi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	465	305		390



Lê Văn Tú
Người lập biểu
Ngày 15 tháng 07 năm 2015



Nguyễn Hữu Minh
Kế toán trưởng



Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

MẪU B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	655.280.677.132	99.790.620.497
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	343.027.604.171	490.801.802.757
Các khoản dự phòng	03	1.534.593.593	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(103.943.934.410)	45.136.126.770
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(18.246.258.042)	(12.303.571.786)
Chi phí lãi vay	06	87.717.137.561	115.555.229.694
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	965.369.820.005	738.980.207.932
Thay đổi các khoản phải thu	09	(12.298.711.452)	46.693.582.329
Thay đổi hàng tồn kho	10	(2.912.084.730)	(44.228.409.744)
Thay đổi các khoản phải trả	11	14.906.981.093	(79.627.588.211)
Thay đổi chi phí trả trước	12	130.714.025.372	86.719.083.100
Tiền lãi vay đã trả	13	(89.902.032.748)	(116.986.521.618)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(20.784.772.294)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(14.660.297.904)	(1.152.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	970.432.927.342	630.398.353.788
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn	21	(1.935.780.290)	(5.168.549.061)
2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	463.829.091	710.313.623
3. Tiền chi đầu tư ngắn hạn	23	(60.000.000.000)	(750.383.916.697)
4. Tiền thu hồi từ đầu tư ngắn hạn	24	-	726.845.098.485
5. Thu lãi tiền gửi	27	17.859.200.833	12.145.984.133
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(43.612.750.366)	(15.851.069.517)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	163.619.754.337
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(518.883.831.239)	(748.074.701.093)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(456.425.619.900)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(975.309.451.139)	(584.454.946.756)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(48.489.274.163)	30.092.337.515
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	186.126.885.017	57.246.674.887
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	102.868	72.181
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	137.637.713.722	87.339.084.583

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:

Thu lãi tiền gửi từ hoạt động đầu tư trong năm không bao gồm số tiền 792.430.555 đồng (Năm 2014: 869.202.437 đồng) là số tiền lãi dự thu phát sinh trong kỳ mà chưa được nhận. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

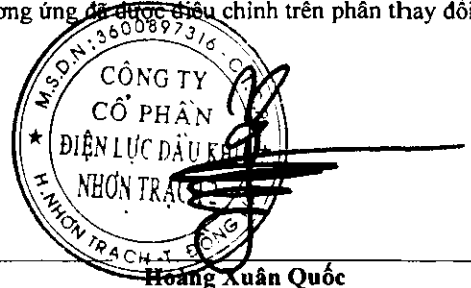
Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm số tiền 11.490.297.852 đồng (Năm 2014: 13.214.003.762 đồng) là số tiền lãi phải trả chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.



Lê Văn Tú
Người lập biểu
Ngày 15 tháng 07 năm 2015



Nguyễn Hữu Minh
Kế toán trưởng



Hoàng Xuân Quốc
Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000396 ngày 20 tháng 6 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 3600897316 ngày 12 tháng 9 năm 2012.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 là 177 người (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 174 người)

Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Bán buôn thiết, bị vật tư, phụ tùng máy khác;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là quản lý đầu tư xây dựng và vận hành các công trình điện.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÀU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

Ngày 18 tháng 05 năm 2015 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 75/2015/TT – BTC sửa đổi, bổ sung điều 128 Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Theo đó: Doanh nghiệp thuộc đối tượng phải lập báo cáo tài chính giữa niên độ (báo cáo tài chính quý và báo cáo tài chính bán niên) được lựa chọn lập báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2015 theo quy định tại Quyết định số 15/2016/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc theo quy định tại Thông tư này. Riêng báo cáo tài chính năm 2015 phải tuân thủ theo quy định tại Thông tư này. Qua việc đánh giá mức độ ảnh hưởng Ban Giám đốc Công ty quyết định trình bày Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2015 theo quy định tại Quyết định số 15/2016/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ ngắn hạn, khoản phải thu dài hạn và đầu tư dài hạn khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2015	2014
	Số năm	Số năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10- 20	10- 20
Máy móc, thiết bị	6 - 14	6 - 14
Phương tiện vận tải	6 - 8	6 - 8
Thiết bị văn phòng	3 - 6	3 - 6

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm quản lý vật tư. Giá trị quyền sử dụng đất không có thời hạn được trình bày theo nguyên giá và không tính khấu hao. Phần mềm quản lý vật tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư vào các công ty khác mà Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua các khoản đầu tư dài hạn. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư dài hạn được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư dài hạn. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác được thực hiện theo các quy định hiện hành.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản phí bảo hiểm cho các khoản vay dài hạn; chi phí huy động, phí biến đổi và phí cố định hợp đồng bảo trì máy móc, thiết bị; chi phí trung tu Nhà máy điện Chu trình Hỗn hợp Nhơn Trạch 2; chênh lệch tỷ giá hối đoái lũy kế trong quá trình xây dựng cơ bản và lãi vay thanh toán cho hợp đồng bảo trì máy móc, thiết bị và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Thông tin chi tiết về các khoản trả trước dài hạn liên quan đến các khoản phí bảo hiểm cho các khoản vay dài hạn; chi phí huy động, phí biến đổi và phí cố định hợp đồng bảo trì máy móc, thiết bị; chi phí trung tu Nhà máy điện Chu trình Hỗn hợp Nhơn Trạch 2; chênh lệch tỷ giá hối đoái lũy kế trong quá trình xây dựng cơ bản và lãi vay thanh toán cho hợp đồng bảo trì máy móc, thiết bị được trình bày ở Thuyết minh số 14.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng hai đến ba năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng ngay sau khi sản lượng điện sản xuất phát lên lưới điện quốc gia có sự xác nhận hàng tháng của Công ty Mua Bán Điện (EPTC) theo giá bán điện chính thức được quy định tại hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 04 ngày 28 tháng 05 năm 2014 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 05 ngày 05 tháng 03 năm 2015 của hợp đồng mua bán điện số 07/2012/HĐ – NMD – NT2 được ký ngày 06 tháng 07 năm 2012. Doanh thu bán điện này được thông báo trước cho Công ty Mua bán Điện (EPTC) và các khoản chênh lệch phát sinh sẽ được ghi nhận vào kỳ kế toán hiện hành khi các bên xác định doanh thu chính xác dựa trên tỉ giá giữa Đô la Mỹ và Đồng Việt Nam công bố tại ngày xuất hóa đơn.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Ngoại tệ****Trong giai đoạn xây dựng cơ bản Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2:**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi ngoại tệ các tài khoản này, bao gồm chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại, được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu” trên bảng cân đối kế toán. Khi công trình xây dựng Nhà máy hoàn thành, toàn bộ chênh lệch tỷ giá phát sinh thực tế lũy kế đã được ghi nhận không tính vào nguyên giá của tài sản cố định mà phân bổ vào thu nhập tài chính hay chi phí tài chính và thời gian phân bổ không quá 5 năm kể từ ngày Nhà máy chính thức vận hành thương mại.

Sau khi Công ty vận hành thương mại Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2:

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”, Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp và Công văn số 4360/DKVN-TCKT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam áp dụng cho các Công ty trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã nhận được Công văn số 7526/BTC-TCDN ngày 08 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính chấp thuận việc sử dụng tỷ giá do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố để quy đổi các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm và đánh giá số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Tất cả các khoản chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	30/06/2015 VND	31/12/2014 VND
Tiền mặt	146.999.838	104.330.554
Tiền gửi ngân hàng	<u>137.490.713.884</u>	<u>186.022.554.463</u>
	<u>137.637.713.722</u>	<u>186.126.885.017</u>

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Đầu tư ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng đồng Việt Nam tại các ngân hàng thương mại và các tổ chức tài chính trong kỳ với thời hạn dưới 3 tháng và hưởng mức lãi suất từ 4,6% đến 5%/năm. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này sẽ được gia hạn theo yêu cầu của Công ty tại ngày đáo hạn. Theo đó, thời hạn thực tế của các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên thường lớn hơn 3 tháng và Ban Giám đốc Công ty quyết định trình bày các khoản tiền gửi có kỳ hạn này là các khoản đầu tư ngắn hạn tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

Trả trước cho người bán tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 chủ yếu là khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam để mua vật tư và các dịch vụ khác để phục vụ cho việc bảo trì, bảo dưỡng Nhà máy điện Chu trình Hỗn hợp Nhơn Trạch 2. Khoản trả trước này sẽ được cần trừ với các khoản phải trả khi Công ty thanh toán các chi phí bảo trì, bảo dưỡng với Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam.

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC VÀ DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	30/06/2015 VND	31/12/2014 VND
Tiền bán điện cho Công ty Mua bán điện (EPTC)	1.455.776.029.709	2.085.643.819.056
Lãi trả chậm dự thu Công ty Mua bán điện (EPTC)	42.153.554.457	42.153.554.457
Lãi tiền gửi dự thu	792.430.555	869.202.437
Khác	<u>386.666.666</u>	<u>30.000.000</u>
	<u>1.499.108.681.387</u>	<u>2.128.696.575.950</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>(35.338.479.375)</u>	<u>(33.803.885.782)</u>
	<u>1.463.770.202.012</u>	<u>2.094.892.690.168</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Các khoản phải thu khác chủ yếu là khoản tiền điện phải thu Công ty Mua bán điện (EPTC) tính đến thời điểm 30 tháng 06 năm 2015 chưa xuất hóa đơn được xác định theo quy định của hợp đồng bán điện số 07/2012/HĐ-NMĐ-NT2 ký ngày 06 tháng 7 năm 2012 và hợp đồng sửa đổi bổ sung số 04 hợp đồng bán điện số 07/2012/HĐ-NMĐ-NT2 ký ngày 28 tháng 05 năm 2014 giữa Công ty Mua Bán Điện (EPTC) và Công ty cổ phần Điện Lực Dầu Khí Nhơn Trạch 2. Khoản tiền bán điện này bao gồm doanh thu bán điện tạm tính là 1.323 tỷ đồng và thuế giá trị gia tăng là 132 tỷ đồng.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập theo quy định của Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành bởi Bộ Tài Chính vào ngày 07 tháng 12 năm 2009 trên tổng số tiền lãi chậm thanh toán phải thu từ Công ty Mua bán điện (EPTC) nhưng đã quá hạn thanh toán.

9. HÀNG TỒN KHO

Giá trị hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 thể hiện giá trị dầu DO được nhập kho phục vụ cho hoạt động sản xuất điện và các vật tư tiêu hao, vật tư dự phòng, ... phục vụ quá trình vận hành thương mại, bảo dưỡng Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2.

10. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

Số dư phải thu dài hạn khác thể hiện chi phí đền bù giải phóng mặt bằng sẽ được trừ vào tiền thuê đất phải trả Nhà nước trong tương lai theo quy định của Luật đất đai. Khoản phải thu dài hạn này được phân loại từ nguyên giá tài sản cố định hữu hình sang các khoản phải thu khác theo Quyết định số 35/QĐ-CPNT2 ngày 23 tháng 5 năm 2011 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.

Ngày 20 tháng 10 năm 2014 Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 đã ký hợp đồng thuê đất số 122/HĐTĐ với Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai với tổng diện tích thuê đất là 423.912,8 m². Tuy nhiên tại ngày của báo cáo này Công ty chưa nhận được thông báo về việc bù trừ chi phí đền bù giải phóng mặt bằng với tiền thuê đất phải trả nhà nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa. vật kiến trúc VND	Máy móc. thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015	2.971.126.226.943	8.287.745.659.419	28.706.600.680	6.427.191.587	11.294.005.678.629
Tăng trong kỳ	135.812.195	125.400.005	-	1.271.068.090	1.532.280.290
Giảm do thanh lý	-	-	(1.514.272.287)	-	(1.514.272.287)
Tại ngày 30/06/2015	2.971.262.039.138	8.287.871.059.424	27.192.328.393	7.698.259.677	11.294.023.686.632
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2015	478.281.078.959	2.522.537.030.102	14.800.999.931	2.597.949.303	3.018.217.058.295
Tăng trong kỳ	73.736.963.602	266.455.516.928	1.470.944.902	636.719.380	342.300.144.812
Giảm do thanh lý	-	-	(1.514.272.287)	-	(1.514.272.287)
Tại ngày 30/06/2015	552.018.042.561	2.788.992.547.030	14.757.672.546	3.234.668.683	3.359.002.930.820
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/06/2015	2.419.243.996.577	5.498.878.512.394	12.434.655.847	4.463.590.994	7.935.020.755.812
Tại ngày 31/12/2014	2.492.845.147.984	5.765.208.629.317	13.905.600.749	3.829.242.284	8.275.788.620.334

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
 Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Ngày 05 tháng 09 năm 2014, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 đã ra quyết định số 27/QĐ – CPNT2 về việc phê duyệt thay đổi thời gian khấu hao tài sản cố định cho tài sản là máy móc thiết bị hình thành từ việc đầu tư xây dựng Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 từ 10 năm thành 14 năm.

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015	21.602.554.546	8.595.706.375	30.198.260.921
Tăng trong kỳ	-	427.456.500	427.456.500
Tại ngày 30/06/2015	21.602.554.546	9.023.162.875	30.625.717.421
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	-	54.899.585	54.899.585
Tăng trong kỳ	-	740.731.347	740.731.347
Tại ngày 30/06/2015	-	795.630.932	795.630.932
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/06/2015	21.602.554.546	8.227.531.943	29.830.086.489
Tại ngày 31/12/2014	21.602.554.546	8.540.806.790	30.143.361.336

Giá trị quyền sử dụng đất lâu dài là quyền sử dụng đất tại khu đất thuộc chung cư CC1.2 – Đơn vị ở số 1 – Khu dân cư Phước An – Long thọ, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Giá trị phần mềm là giá trị của hệ thống quản lý bảo trì, quản lý vật tư thiết bị tài sản nhà máy và phần mềm kế toán Sap Business One..

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2015 VND	31/12/2014 VND
Chi phí xây dựng website Công ty	102.150.000	304.606.500
Số dư cuối kỳ/ năm	102.150.000	304.606.500

Số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm các tài sản cố định phải trải qua quá trình lắp đặt, chạy thử trước khi đưa vào sử dụng trong năm (website Công ty).

14. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Công ty đã góp 11.140.000.000 đồng, tương đương với 1.114.000 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần), vào vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao (“Sopewaco”) tính đến 30 tháng 06 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo quy định của Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 ban hành bởi Bộ Tài Chính. Cơ sở trích lập dự phòng là báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Sopewaco. Khoản lỗ lũy kế của Sopewaco tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 237.801.167.624 đồng và cao hơn vốn điều lệ của Sopewaco là 80.000.000.000 đồng. Do đó, Ban Giám đốc Công ty quyết định trích lập dự phòng toàn bộ cho khoản đầu tư tài chính dài hạn nêu trên tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Tại ngày 01 tháng 01	877.059.761.877	1.026.660.982.500
Tăng trong kỳ	416.967.546	104.197.706.255
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	(131.130.992.918)	(243.505.946.621)
Giảm khác	-	(10.292.980.257)
Tại ngày 30 tháng 06 / 31 tháng 12	746.345.736.505	877.059.761.877

(*) Giảm khác là khoản giảm trừ chi phí nhân công sửa chữa định kỳ đã tạm trích hàng quý vào chi phí phục vụ trung tu mở rộng Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2.

Chi tiết số dư của khoản chi phí trả trước dài hạn tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	30/06/2015 VND	31/12/2014 VND
Phí bảo hiểm khoản vay tín dụng	410.848.756.225	441.548.675.121
Phí huy động, phí biến đổi và phí cố định hợp đồng bảo trì thiết bị	259.597.015.632	276.363.551.871
Chi phí trung tu nhà máy điện chờ phân bổ	57.539.763.342	72.899.890.233
Chênh lệch tỷ giá hối đoái lũy kế trong quá trình đầu tư xây dựng cơ bản	-	66.380.869.389
Lãi vay thanh toán cho hợp đồng bảo trì bảo dưỡng máy móc	10.990.269.427	11.700.012.206
Chi phí khác	7.369.931.879	8.166.763.057
	746.345.736.505	877.059.761.877

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm các chi phí:

Phí bảo hiểm khoản vay tín dụng: Theo hợp đồng vay tín dụng xuất khẩu ký ngày 22 tháng 7 năm 2010 và 23 tháng 7 năm 2010 giữa Công ty và các ngân hàng tài trợ do Citibank làm đại lý. Phí bảo hiểm khoản vay được phát hành bởi HERMES và NEXI bảo hiểm cho các bên cho vay trong toàn bộ thời hạn vay theo hợp đồng là 2,5 năm ân hạn và 9,5 năm trả nợ.

Phí huy động, phí biến đổi và phí cố định hợp đồng bảo trì thiết bị: Theo hợp đồng bảo trì thiết bị dài hạn số 68/2011/PVPOWER NT2 – PVPS giữa Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 và Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam cho công tác bảo trì máy móc thiết bị chính cho Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 trong thời hạn 11,7 năm hoặc 200.000 giờ EOH. Phí huy động, phí biến đổi và phí cố định được thanh toán trước khi Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 vận hành thương mại và được phân bổ vào kết quả kinh doanh trong năm theo số giờ EOH thực tế phát sinh.

Chi phí trung tu Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 phát sinh khi nhà máy đạt đến 25.000 giờ vận hành EOH và Công ty phải thực hiện việc trung tu theo yêu cầu kỹ thuật. Theo đó, chi phí trung tu này được ghi nhận và phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ phát sinh 25.000 giờ vận hành EOH tiếp theo. Ngày 15 tháng 12 năm 2014, Hội đồng Quản trị Công ty đã ra Quyết định số 46/QĐ-CPNT2 về việc tạm phê duyệt quyết toán hoàn thành công tác trung tu mở rộng, theo đó giá trị trung tu sẽ được phân bổ dựa vào số giờ thực tế chạy EOH từ khi kết thúc quá trình trung tu của nhà máy.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái lũy kế phát sinh trong thời gian xây dựng Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 đến thời điểm cấp chứng chỉ PAC vào ngày 16 tháng 10 năm 2011 và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá năm năm kể từ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

ngày Công ty được cấp chứng chỉ PAC theo như Công văn số 721/CT-TTH ban hành ngày 01 tháng 3 năm 2012 bởi Cục Thuế tỉnh Đồng Nai.

Lãi vay thanh toán cho hợp đồng bảo trì bảo dưỡng máy móc: Các chi phí đi vay liên quan đến công tác thanh toán hợp đồng bảo trì thiết bị dài hạn số 68/2011/PVPOWER NT2 – PVPS giữa Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 và Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam. Chi phí đi vay phát sinh trước khi Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 vận hành thương mại và không thuộc chi phí đầu tư dự án. Các khoản lãi vay này được phân bổ vào báo kết quả kinh doanh trong kỳ theo số giờ EOH thực tế phát sinh.

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2015 VND	31/12/2014 VND
Thuế giá trị gia tăng	22.134.501.889	11.706.876.862
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.063.449.424	-
Thuế thu nhập cá nhân	2.785.205.553	251.871.129
Thuế tài nguyên	3.412.876.785	3.554.243.006
Các loại thuế, phí khác	201.058	556.861
	<u>40.396.234.709</u>	<u>15.513.547.858</u>

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2015 VND	31/12/2014 VND
Chi phí nguyên liệu	847.886.336.167	776.373.697.796
Chi phí bảo trì	88.671.937.749	89.648.927.883
Lãi vay tạm trích	11.490.297.852	13.214.003.762
Phí bảo lãnh chính phủ	1.241.954.114	1.424.568.244
Chi phí khác	10.792.977.491	10.712.451.918
	<u>960.083.503.373</u>	<u>891.373.649.603</u>

Chi phí nguyên liệu là khoản công nợ phải trả cho nguyên liệu khí dùng trong quá trình vận hành Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 nhưng chưa nhận được hóa đơn từ nhà cung cấp tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014.

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	30/06/2015 VND	31/12/2014 VND
Lãi chậm thanh toán phải trả PV Gas	39.278.284.374	39.278.284.374
Thuế GTGT đầu ra tạm tính	132.343.275.428	189.603.983.551
Trả cô tức cho cổ đông	1.794.322.000	128.000.000.000
Khác	2.811.222.856	1.958.773.149
	<u>176.227.104.658</u>	<u>358.841.041.074</u>

Thuế giá trị gia tăng đầu ra tạm tính căn cứ vào khoản doanh thu bán điện chưa xuất hóa đơn như đã nêu ở thuyết minh số 8.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. VAY NGẮN HẠN

Số dư vay ngắn hạn thể hiện nợ dài hạn đến hạn trả cho các khoản vay dài hạn tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 như trình bày theo thuyết minh số 20.

20. VAY DÀI HẠN

	30/06/2015 <u>VND</u>	31/12/2014 <u>VND</u>
Vay dài hạn	6.277.714.122.919	6.907.609.469.332
Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả	<u>(1.034.578.992.983)</u>	<u>(1.051.902.984.892)</u>
Tổng	<u>5.243.135.129.936</u>	<u>5.855.706.484.440</u>

Ngày 22 tháng 7 năm 2010 và ngày 23 tháng 7 năm 2010 Công ty đã ký các hợp đồng vay với các ngân hàng tài trợ là HERMES, CIRR, NEXI và Citibank, với Citibank là ngân hàng đầu mối với tổng hạn mức vay là 215.380.981 đô la Mỹ và 202.585.883 euro. Các khoản vay này được chính phủ Việt Nam bảo lãnh và được cấp bảo hiểm bởi HERMES và NEXI. Lãi suất được tính theo Euribor 6 tháng và Libor 6 tháng cộng cho các khoản lãi suất điều chỉnh. Nợ gốc và lãi vay được trả 6 tháng một lần trong đó thời gian trả nợ gốc là 9,5 năm được chia thành 19 kỳ trả nợ đều nhau với thời điểm trả nợ gốc đầu tiên là ngày 01 tháng 6 năm 2012. Tổng số dư nợ gốc của khoản vay này tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 lần lượt là 134.860,7 đô la Mỹ và 123.212,4 euro.

Trong năm 2013, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VP Bank), Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với hạn mức 286.467.044.714 đồng cho mục đích tái tài trợ khoản vay đầu tư dự án xây dựng Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2. Hợp đồng vay này tái tài trợ thay thế hợp đồng hạn mức 600 tỷ đồng số 02/2011/HĐTD-THD được ký ngày 31 tháng 3 năm 2011 với Ngân hàng TMCP Công Thương, Chi nhánh Hà Nội. Thời hạn vay được tính từ ngày giải ngân đầu tiên đến ngày 25 tháng 12 năm 2022 và nợ gốc của khoản vay sẽ được thanh toán định kỳ 6 tháng một lần, trong vòng 20 kỳ. Khoản vay này không có đảm bảo bằng tài sản và chịu lãi suất thả nổi. Số dư nợ gốc của khoản vay này tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 là 214.850.283.534 đồng.

Trong năm 2014, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Phát triển nhà Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank), Chi nhánh Cộng Hòa cho mục đích tái tài trợ khoản vay đầu tư dự án xây dựng Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 với tổng hạn mức tín dụng là 163.619.754.337 đồng. Hợp đồng vay này tái tài trợ thay thế hợp đồng hạn mức 200 tỷ đồng số 01/2011/HĐTD-THD được ký ngày 20 tháng 01 năm 2011 với Ngân hàng TMCP Công Thương Chi nhánh Hà Nội. Thời hạn vay được tính từ ngày giải ngân đầu tiên đến ngày 25 tháng 12 năm 2022. Nợ gốc của khoản vay sẽ được thanh toán định kỳ 6 tháng một lần, trong vòng 18 kỳ. Khoản vay này không có đảm bảo bằng tài sản và chịu lãi suất thả nổi. Số dư nợ gốc của khoản vay này tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 là 136.349.795.281 đồng.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/06/2015 <u>VND</u>	31/12/2014 <u>VND</u>
Trong vòng một năm	1.034.578.992.983	1.051.902.984.892
Trong năm thứ hai	1.034.578.992.983	1.051.902.984.892
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	3.103.736.978.949	3.155.708.830.905
Sau năm năm	<u>1.104.819.158.004</u>	<u>1.648.094.668.643</u>
	<u>6.277.714.122.919</u>	<u>6.907.609.469.332</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	<u>(1.034.578.992.983)</u>	<u>(1.051.902.984.892)</u>
Số phải trả sau 12 tháng	<u>5.243.135.129.936</u>	<u>5.855.706.484.440</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
 Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Tại ngày 30/06/2015 và ngày 31/12/2014**Số cổ phầnVND

Cổ phần đã phát hành và góp vốn đủ 256.000.000 2.560.000.000.000

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng lợi tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết các cổ đông tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Vốn đã góp tại ngày 30/06/2015		Vốn đã góp tại ngày 31/12/2014	
	<u>VND</u>	<u>%</u>	<u>VND</u>	<u>%</u>
Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam	1.536.000.000.000	60%	1.607.661.500.000	62,8%
Công ty TNHH Phát Triển Công Nghệ	213.840.000.000	8,4%	213.840.000.000	8,4%
Tập đoàn Bưu Chính Viễn Thông Việt Nam	-	0%	128.000.000.000	5,0%
Tổng Công ty Điện lực - Vinacomin	128.000.000.000	5,0%	128.000.000.000	5,0%
Công ty ElectricPower Development (J-Power - Nhật Bản)	-	0%	128.000.000.000	5,0%
Các cổ đông khác	682.160.000.000	26,6%	354.498.500.000	13,8%
	<u>2.560.000.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>2.560.000.000.000</u>	<u>100%</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn điều lệ VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	2.560.000.000.000	169.237.381.136	20.439.881.905	37.998.393.675	2.787.675.656.716
Phân phối từ lợi nhuận	-	-	410.960.845	(4.366.093.349)	(3.955.132.504)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	1.590.963.236.600	1.590.963.236.600
Chi trả cổ tức	-	-	-	(128.000.000.000)	(128.000.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2014	2.560.000.000.000	169.237.381.136	20.850.842.750	1.496.595.536.926	4.246.683.760.812
Phân phối từ lợi nhuận	-	-	59.362.684.540	(79.362.684.540)	(20.000.000.000)
Chi từ quỹ	-	-	(412.477.359)	-	(412.477.359)
Chi trả cổ tức	-	-	-	332.800.000.000	332.800.000.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	622.432.455.414	622.432.455.414
Số dư tại ngày 30/06/2015	2.560.000.000.000	169.237.381.136	79.801.049.931	1.706.865.307.800	4.515.903.738.867

Trong kỳ, Công ty đã trích lập Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, thưởng ban điều hành với số tiền là 20.000.000.000 đồng, Quỹ đầu tư phát triển với số tiền là 59.362.684.540 đồng theo Nghị quyết số 07/NQ-CPNT2 của Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2015 ngày 22 tháng 04 năm 2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.371.050.769.623	1.947.093.723.132
Chi phí nhân công	38.895.027.012	33.322.164.871
Chi phí khấu hao tài sản cố định	343.027.604.171	490.801.802.757
Chi phí dịch vụ mua ngoài	247.255.325.757	231.475.850.616
Chi phí khác	21.643.397.946	17.614.248.937
	3.021.872.124.509	2.720.307.790.313

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Lãi tiền gửi	17.782.428.951	12.043.258.163
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	12.581.237.028	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	103.943.934.410	-
Tổng cộng	134.307.600.389	12.043.258.163

Doanh thu tài chính tăng đột biến chủ yếu là do lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại khoản vay dài hạn có gốc ngoại tệ theo tỷ giá mua của ngân hàng Vietcombank tại ngày 30 tháng 06 năm 2015. Cụ thể tỷ giá EUR của ngân hàng Vietcombank – Hội sở chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 (24.260,93 VND/EUR) giảm 1.281,43 VND/EUR so với tỷ giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (25.542,36 VND/EUR), tỷ giá USD của ngân hàng Vietcombank – Hội sở chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 (21.780 VND/USD) tăng 400 VND/USD so với tỷ giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (21.380 VND/USD) làm cho khoản lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại khoản vay dài hạn có gốc ngoại tệ tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 tăng đột biến lên 104 tỷ đồng.

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Lãi tiền vay	87.717.137.561	115.555.229.694
Phân bổ lỗ chênh lệch tỷ giá trong quá trình xây dựng cơ bản	66.380.869.389	126.424.719.937
Phí bảo hiểm khoản vay	30.699.918.896	30.699.918.896
Phí bảo lãnh cho khoản vay	8.697.936.236	10.796.396.469
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.684.501.649	3.882.231.144
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	45.136.126.770
Khác	1.729.103.967	1.859.821.756
Tổng cộng	201.909.467.698	334.354.444.666

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***25. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Chi phí bán hàng	35.887.402	170.292.594
Tổng cộng	35.887.402	170.292.594

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Lương nhân viên quản lý	14.882.833.537	12.568.648.558
BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ quản lý	372.373.460	409.460.410
Chi phí vật liệu văn phòng	647.268.074	997.944.995
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	371.003.446	337.689.163
Chi phí khấu hao TSCĐ quản lý	4.733.522.203	4.113.194.938
Thuế và lệ phí	434.432.545	444.875.586
Chi phí sửa chữa thường xuyên quản lý	564.847.355	499.057.151
Dịch vụ mua ngoài	11.530.054.658	5.724.233.521
Chi phí dự phòng	1.534.593.593	-
Chi phí quản lý khác	2.668.906.888	3.532.819.947
Tổng cộng	37.739.835.759	28.627.924.269

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015			Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
	<i>Hoạt động chính</i> VND	<i>Hoạt động Khác</i> VND	Tổng VND	Tổng VND
Lợi nhuận trước thuế	721.112.824.524	(65.832.147.392)	655.280.677.132	99.790.620.497
Cộng: Các chi phí không được khấu trừ	1.683.860.098	-	1.683.860.098	72.000.000
Trừ: Các khoản thu nhập không chịu thuế	(102.868)	-	(102.868)	(72.181)
Thu nhập chịu thuế	722.796.581.754	(65.832.147.392)	656.964.434.362	99.862.548.316
Thuế suất	5%	-	5%	0%
Chi phí thuế hiện hành	-	-	32.848.221.718	-

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 10% tính trên thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất và kinh doanh điện năng (hoạt động chính) trong 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu và 22% cho những năm tiếp theo.

Công ty được miễn thuế 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế đối với hoạt động sản xuất và kinh doanh điện năng và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo. Đây là năm thứ năm Công ty có thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất và kinh doanh điện năng.

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% tính trên thu nhập từ các hoạt động khác theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Lợi nhuận sau thuế	622.432.455.414	99.790.620.497
Lãi chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện	<u>103.943.934.410</u>	<u>-</u>
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	518.488.521.004	99.790.620.497
Số bình quân gia quyền của cổ phần phổ thông	<u>256.000.000</u>	<u>256.000.000</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>2.025</u>	<u>390</u>

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có giao dịch với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Doanh thu bán điện		
Công ty Mua bán điện (EPTC)	<u>3.744.205.946.953</u>	<u>3.141.743.911.006</u>
Mua hàng và dịch vụ		
Tổng Công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam	-	140.344.399
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	82.192.008
Tổng Công ty khí Việt Nam – Công ty Cổ phần	2.299.538.131.252	2.066.073.756.816
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực	166.178.323.531	230.484.694.231
Dầu khí Việt Nam		
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	20.643.509.854	20.800.175.223
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1.771.980.500	2.277.281.700
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	802.618.812	821.225.357
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOIL	-	1.424.624.960
Công ty điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	511.186.500	447.809.200
TCT Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	<u>1.930.149.000</u>	<u>68.526.000</u>
Thu nhập tài chính		
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	<u>5.254.892.348</u>	<u>2.363.957.318</u>

Thu nhập của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Lương và các khoản phúc lợi khác	<u>3.328.295.158</u>	<u>1.987.541.676</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/06/2015 VND	31/12/2014 VND
Trả trước nhà cung cấp		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	146.809.650.607	163.728.626.749
TCT Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	<u>69.668.100</u>	<u>228.420.000</u>
Phải thu khác		
Công ty Mua bán điện (EPTC)	1.497.929.584.166	2.127.797.373.513
Lãi dự thu từ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	<u>387.750.000</u>	<u>238.222.223</u>
Phải trả thương mại		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	32.225.365.820	27.386.855.113
Ban Điều hành các dự án của PVC tại phía Nam	454.403.426	454.403.426
Công ty Cổ phần Địa ốc Dầu khí	1.140.250.000	1.140.250.000
Chi nhánh Viện Dầu Khí Việt Nam – Trung tâm Nghiên cứu & Phát triển an toàn & Môi trường Dầu khí	222.181.661	222.181.661
Công ty điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	65.893.275	95.778.900
TCT Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	<u>376.893.000</u>	<u>319.788.000</u>
Phải trả khác		
Tổng Công ty khí Việt Nam – Công ty Cổ phần	<u>39.278.284.374</u>	<u>39.278.284.374</u>
Đầu tư tài chính		
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	<u>190.000.000.000</u>	<u>200.000.000.000</u>



Lê Văn Tú
Người lập biểu
Ngày 15 tháng 07 năm 2015



Nguyễn Hữu Minh
Kế toán trưởng



Hoàng Xuân Quốc
Giám đốc